

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Bản án số: **182/2018/HS-PT**
Ngày 19-10-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán:

Ông **Trần Minh Long**

Ông **Bùi Trọng Danh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Hoàn V, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn P, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Trần Xuân K, Lê Đức H, Võ Công N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

-Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàn V, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2000 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 10 phường Đ, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H (c) và bà Nguyễn Thị M (s); gia đình có 04 con, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/06/2018. Có mặt.

2. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1995 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 53 phường A, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (s) và bà Nguyễn Thị Kim C (s); gia đình có 03 con, bị cáo là con thứ 3; có vợ là Đặng Trúc H, có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Văn P, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1996 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 58 phường A, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình

độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (s) và bà Đinh Thị N (s); gia đình có 03 con, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Phan Viết H2, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1996 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 34 phường X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: thợ sơn; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Viết T (s) và bà Võ Thị Mỹ N (s); gia đình có 02 con, bị cáo là con đầu; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Đặng Công Đ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1996 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 26 (tổ 23 cũ) phường X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ), con bà Đặng Thị H (s); gia đình có 02 con, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Trần Xuân K– Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1996 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 19 phường X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân H (s) và bà Nguyễn Thị N (s); gia đình có 03 con, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Võ Công N– Sinh ngày 20 tháng 01 năm 2000 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 66 phường X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Công T (s) và bà Nguyễn Thị N (s); bị cáo là con duy nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Lê Đức Huy– Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1999 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 26 phường X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức D (s) và bà Phạm Thị Tường V (s); gia đình có 04 con, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 14/12/2017, Võ Văn H1, Nguyễn Hoàng V, Hà Đức T, Đặng Công Đ, Lê Đức H, Võ Công N và Nguyễn Văn Q thì V nhận được điện

thoại của Nguyễn Văn B rủ đi uống café. Do đã từ chối nhưng B vẫn điện thoại cho V nhiều lần nên V đưa điện thoại cho H1 nhờ từ chối giúp. Khi nói chuyện điện thoại thì giữa H1 và B nảy sinh mâu thuẫn, thách thức đánh nhau và hẹn gặp tại đường Lê Đại Hành – Trường Chinh. H1 rủ T đi tìm B để đánh và mượn 01 xe mô tô hiệu Exciter 150 của H1 chở T về nhà của Nguyễn Đăng Ái Cẩm G, thành phố Đà Nẵng để lấy hung khí bao gồm: 01 cây kiếm Nhật dài 60cm, 01 cây đao dài khoảng 40cm, 01 cây đao dài khoảng 60cm.

H1 và T đến quán café 273 trên đường Lê Đại Hành, H1 điện thoại rủ thêm Huỳnh Đình Đ đi đánh nhau, lúc này Đ đang đánh bida cùng Trần Xuân K và Phan Viết H2 nên rủ K và H2 cùng đi đánh nhau, cả hai đồng ý, H1 chở T đến quán bida gặp Đ, K, H2. Lúc này, B tiếp tục điện thoại cho H1 hẹn đánh nhau tại cầu vượt Ngã Ba Huế nên cả nhóm đi đến. Trên đường đi, H1 gọi cho một người tên L nhờ L xem có nhóm thanh niên nào đến cầu vượt Ngã Ba Huế hay không. Nhóm H1 đến nơi thì gặp L cùng năm người bạn của L nhưng không thấy B nên L cùng bạn đi về còn nhóm H1 tiếp tục đi đến ngã ba Trường Chinh – Lê Đại Hành. Lúc này, V cùng Đặng Công Đ, Lê Đức H và Võ Công N đến nhập vào nhóm H1 để đi tìm B đánh nhau, H1 về nhà lấy thêm hung khí gồm 01 con dao lõ cán bằng tre dài khoảng 50cm, 01 cây gậy 03 khúc bằng kim loại dài khoảng 60cm.

Lúc này V nói biết nhà B nên nhóm H1 cùng nhau đi đến nhà B ở K111 C. Đến nơi, không thấy B nên nhóm H1 dùng gạch đá ném vào nhà rồi đi đến quán Internet 51 T để tìm B. B và N đứng trước quán Internet phát hiện thấy nhóm H1 liền chạy vào trong quán trốn. H1 và T cầm hung khí đi vào tìm nhưng không thấy nên đi ra rồi tất cả quay về khu vực dưới chân cầu Nguyễn Tri Phương đường Thăng Long để chờ B. Tại đây, H1 điện thoại rủ thêm Nguyễn Thanh T, Đỗ Minh T, Phan Văn Đ, Nguyễn Văn P cùng tên Đ đến tham gia đánh nhau với nhóm B.

Khi phát hiện nhà mình bị ném gạch đá thì B điện thoại cho H1 hẹn đến chân cầu Nguyễn Tri Phương đánh nhau. Khi đi, B rủ thêm Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T đi cùng. Đến gần chân cầu Nguyễn Tri Phương, thấy nhóm của H1 đang tụ tập dưới chân cầu nên B, T, B' nhặt gạch đá ném nhóm của H1 rồi bỏ chạy, nhóm H1 cầm hung khí đuổi theo nhưng không kịp nên quay ra và đi vào nhà B. Đến đầu kiệt K111 C thì T nói H và N đứng chờ để hỗ trợ, còn lại cùng nhau đi vào tìm Bảo.

Sau khi bị nhóm H1 đuổi B lấy 01 cây rựa cán gỗ dài khoảng 60cm, T nhặt 01 cây gỗ dài khoảng 80cm, B nhặt 01 cục gạch 06 lỗ đứng chờ đánh trả nhóm của H1. Lúc này Đ điều khiển xe AirBlade BKS 43C1-56807 chở Đ2 cầm 01 cây mã

tàu dài khoảng 60cm đi trước, tiếp theo có H1 điều khiển xe Exciter BKS 43G1-25049 mang trong người 01 cây gậy 03 khúc và chở T cầm 01 cây kiếm Nhật dài khoảng 70cm, Độ điều khiển xe Wave màu xanh BKS 43H8-7573 chở V cầm dao lờ dài khoảng 60cm đi trước, tiếp theo có H1 điều khiển xe SH 150i màu trắng BKS 43G1-21868 chở T, Đ chở P đi trên xe Jupiter màu đỏ, K đi trên xe Wave màu đỏ BKS 43M1-5869, chở H cầm dao tự chế dài khoảng 60cm theo sau cùng đi vào trong hẻm. Đ đi trước phát hiện thấy T và B liền hô lên “Bên hấn kia” và điều khiển xe máy chạy đến, B dùng gạch ném trúng xe Đ rồi bỏ chạy còn T vẫn đứng lại. Đ xuống xe dùng tay đánh vào người T làm T ngã xuống đất, Đ cầm cây dao đi đến chém 01 nhát trúng vào mặt T. Thấy vậy B dùng rựa lao đến chém 02 nhát trúng vào vai phải của Đ và lưng của Đ. Lúc này H hô lên “Chạy chạy” nên cả nhóm rút lui còn B chở T đi cấp cứu ở Bệnh viện Tâm Trí, Đà Nẵng.

Sau khi gây án, Huỳnh Đình Đ bỏ trốn, đến ngày 09/02/2018 thì Đ ra đầu thú tại Công an thành phố Đà Nẵng.

Tại Bản án sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14, xử phạt:

- Các bị cáo **Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P, Lê Đức H**, mỗi bị cáo **15 (Mười lăm) tháng tù** về tội “**Cố ý gây thương tích**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 91 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14, xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Hoàn V 12 (Mười hai) tháng tù** về tội “**Cố ý gây thương tích**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 06/02/2018

- Bị cáo **Võ Công N 12 (Mười hai) tháng tù** về tội “**Cố ý gây thương tích**”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 14/8/2018 các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn P, Phan Viết H2, Trần Xuân K và Lê Đức H có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 bị cáo Đặng Công Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 bị cáo Võ Công N có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàn V, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn P, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Trần Xuân K, Lê Đức H và Võ Công N, có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng V tự nguyện rút đơn kháng cáo. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355BLTTHS đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng V.

Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo còn lại thì thấy: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn P, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Trần Xuân K, Lê Đức H và Võ Công N, là nghiêm trọng, các bị cáo là những đồng phạm tham gia giúp sức cho các bị cáo H1, Đ, T, và Đ sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại Nguyễn Văn T là 22%. Do vậy, Bản án sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo tham gia trong vụ án, đồng thời cũng đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P, Lê Đức H mỗi bị cáo 15 tháng tù là phù hợp, đồng thời áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 91 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Võ Công N 12 tháng tù là không nặng. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàn V tự nguyện rút đơn kháng cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn P, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Trần Xuân K, Lê Đức H và Võ Công N, đều xác định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng tội. Các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng Vũ tự nguyện xin rút đơn kháng cáo. Do đó, HĐXX căn cứ vào điểm đ Điều 355 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hoàng V.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận có tham gia đi theo cùng với các bị cáo H1, Đ, T, Đ với vai trò đồng phạm để giúp sức về mặt tinh thần cho bị cáo H1, Đ, T, Đ dùng hung khí gây thương tích cho người bị hại anh Nguyễn Văn T với tỷ lệ thương tích 22%. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định việc các bị cáo đã chuẩn bị phương tiện, hung khí để đi đánh nhau vào khoảng 21 giờ ngày 14/12/2017 với nhóm của B là xuất phát từ mâu thuẫn do nhóm của B thách thức đánh nhau với H1, vì vậy, H1 đã rủ rê lôi kéo các bị cáo cùng tham gia đi tìm nhóm của B để đánh, khi hai nhóm gặp nhau bên nhóm của B đã dùng gạch đá ném vào nhóm của H rồi bỏ chạy, nhóm của H truy tìm và khi phát hiện nhóm của B, Đ dùng tay đánh vào người anh Th làm anh T ngã xuống đất, Đ dùng hung khí chém vào người bị hại Nguyễn Văn T gây hậu quả anh T bị thương tích 22%. Do đó, Bản án sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm, dùng hung khí gây thương tích là thể hiện sự hung hăng, coi thường pháp luật. Chỉ xuất phát từ mâu thuẫn do nhóm của B điện thoại thách thức rủ H1 đánh nhau, để rồi sau đó các bị cáo nghe theo sự rủ rê, lôi kéo của H1 đã cùng nhau tụ tập hẹn gặp nhóm của B để đánh nhau theo sự thách thức của B dẫn đến hậu quả Đ gây thương tích cho anh T tỷ lệ 22%. Như vậy, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo tham gia trong vụ, đồng thời cũng đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; và Điều 91 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), để xử phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P, Lê Đức H mỗi bị cáo 15 tháng tù, đồng thời điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; và Điều 91 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) xử phạt bị cáo Võ Công N là phù hợp. Do đó, HĐXX căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối

với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P và Lê Đức H.

Riêng đối với bị cáo Võ Công N sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quyết định của bản án và kèm theo bệnh án điều trị do bị bệnh tim, mạch khác, xét trong vụ án này bị cáo N là người bị rủ rê đi theo tham gia với với trò đồng phạm thứ yếu, giúp sức về mặt tinh thần, hành vi phạm tội của bị cáo mức độ thấp hơn so với các bị cáo khác, đồng thời khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế hơn so với các bị cáo khác, hơn nữa bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, thuộc loại nhất thời phạm tội, và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, trên cơ sở nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi là đồng phạm có vai trò thứ yếu không đáng kể trong vụ án, nên đối với bị cáo N xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà nghĩ nên mở cho bị cáo một con đường tự cải tạo tại địa phương cũng có Tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, căn cứ vào: Điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Công N, sửa một phần Bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là phù hợp.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 355 BLTT HS năm 2015.

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng V.**

2/ Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

*** Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P, Lê Đức H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.**

***Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).**

Xử phạt: Các bị cáo **Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P, Lê Đức H**, mỗi bị cáo **15 (Mười lăm) tháng tù** về tội **“Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- **3.** Căn cứ vào: Điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

*Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Công N, sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với bị cáo Võ Công N.

***Áp dụng:** Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm c khoản 1 Điều 91 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Võ Công N: 12 (Mười hai)** tháng tù về tội **“Cố ý gây thương tích”**. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là: **24 (Hai mươi bốn)** tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Tuyên giao bị cáo Võ Công N về UBND phường X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; tiếp tục theo dõi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02(hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.Về án phí: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Xuân K, Phan Viết H2, Đặng Công Đ, Nguyễn Văn P, Lê Đức H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hoàn V và Võ Công N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Công an quận Cẩm Lệ ;
- TAND quận Cẩm Lệ ;
- Chi cục THA quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Phan Vĩnh Chuyên